

CHƯƠNG II

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN PHƯỜNG 15 TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

Sau Hiệp định Genève, nước ta tạm thời bị chia làm hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam tạm thời nằm trong sự kiểm soát của địch và đến tháng 7 năm 1956 sẽ tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà. Nhưng ở miền Nam, được sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm đã ngang nhiên xóa bỏ hiệp thương tổng tuyển cử, thẳng tay bắt bớ những người tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và điên cuồng đàn áp các phong trào đấu tranh vì hòa bình của nhân dân. Đứng trước hành động phá hoại Hiệp định Genève của kẻ thù, lại một lần nữa, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn và nhân dân quận 10; trong đó có nhân dân phường 15 lại phải đứng lên cầm súng đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai của chúng.

I. NHÂN DÂN VÙNG ĐẤT PHƯỜNG 15 TRONG THỜI KỲ ĐẤU TRANH ĐÒI MỸ - DIỆM THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GENÈVE (1954 - 1960)

Theo Hiệp định Genève, đến tháng 7 năm 1956, hai miền Nam, Bắc sẽ tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhưng với âm mưu chiếm miền Nam, biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự để tiến công phe xã hội chủ nghĩa và phá hoại phong trào giải phóng dân tộc. Đế quốc Mỹ đã ra sức phá hoại việc thi hành Hiệp định Genève.

Từ tháng 6 năm 1954, đế quốc Mỹ ép thực dân Pháp và Bảo Đại chấp nhận con bài Ngô Đình Diệm do chúng đưa về Việt Nam làm Thủ tướng thay Bửu Lộc và đến ngày 7/7/1954, Ngô Đình Diệm đứng ra lập chính phủ theo kế hoạch của Mỹ.

Tháng 12/1954, Mỹ ép Pháp giao miền Nam cho Diệm và ngày 23/10/1955, Mỹ - Diệm đã tổ chức cái gọi là “trung cầu dân ý” để đưa Diệm lên làm Tổng thống của nước “Việt Nam Cộng hòa”.

Tháng 7/1955, sau khi thanh trừng các đảng phái và lực lượng vũ trang thân Pháp, Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch “tố Cộng” và đưa ra dự luật “Đặt Cộng sản ngoài phòng pháp luật”. Với dự luật này, Diệm tự do giết hại không chỉ là những chiến sĩ cách mạng mà cả những thường dân yêu nước.

Trước tình hình đó, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9/1954 và Hội nghị lần thứ 8 (1955) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa II) đã chỉ ra rằng: “Nhiệm vụ đấu tranh

giải phóng dân tộc của nhân dân ta chưa phải đã hoàn thành, cuộc đấu tranh ái quốc không vì đình chiến mà kết thúc... chúng ta phải nhận định cho rõ ràng và đề cao cảnh giác, chuẩn bị đầy đủ để đối phó với mọi tình huống”(1).

Ở miền Nam, tháng 10/1954, Xứ ủy⁽²⁾ được thành lập do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư. Cuối năm 1954, Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn được thành lập gồm 13 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Khu ủy đã chia Đảng bộ thành 4 quận mang mật danh là “Công ty”. Thời gian này về mặt hành chính, địa bàn phường 15 ngày nay thuộc quận 3. Về mặt Đảng thuộc sự lãnh đạo của Công ty 2 (tức Quận ủy quận 2) do đồng chí Trần Thuần (Tám Đông Thanh) là Thường vụ Khu ủy làm Bí thư và đồng chí Lê Đình Toàn (Võ Văn Liêm) làm Phó Bí thư⁽³⁾.

Năm 1956, đồng chí Trần Thuần và Lê Đình Toàn bị địch bắt, đồng chí Nguyễn Văn Phương (Tur Phương) lên làm Bí thư. Đầu năm 1957, Khu ủy điều đồng chí Phạm Thị Sứ (Năm Bắc) về Công ty 2 nhưng đến cuối năm 1957, đồng chí và đồng chí Nguyễn Văn Phương lại bị địch bắt.

Đầu năm 1958, đồng chí Nguyễn Thị Ráo (Ba Thi) được chỉ định làm quyền Bí thư Quận ủy. Cấp ủy Công ty 2 (tức Quận ủy quận 2) đã phân công cán bộ phụ trách các vùng, trong đó đồng chí Nguyễn Văn Tân được phân công phụ trách toàn bộ hệ 6 gồm 3 vùng: Hòa Hưng, Chí Hòa, Cống Bà Xếp. Vùng Chí Hòa (trong đó có địa bàn phường 15)

1 Một số văn kiện Đảng về chống Mỹ cứu nước - Tập I (1954 - 1965), Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1985, tr 68.

2 Trung ương bỏ cấp Trung ương cục thay bằng Xứ ủy.

3 Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân quận 3 (1930 - 1975), tr 91.

có một chi bộ do đồng chí Tư Dệt làm Bí thư và vùng Hòa Hưng có một chi bộ do đồng chí Diệp làm Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo của Công ty 2 (Quận ủy quận 2) và chi bộ Chí Hòa, nhân dân vùng Chí Hòa (trong đó có nhân dân vùng phường 15) đã cùng với nhân dân thành phố tham gia “Phong trào Bảo vệ hòa bình ở Sài Gòn - Chợ Lớn”, “Phong trào cứu tế nạn nhân bảo vệ tính mạng và tài sản của dân chúng”, đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống lại trò hề “trung cầu dân ý” và “bầu cử” của chính quyền Diệm.

Tháng 1 năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 đã xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng ở miền Nam là con đường bạo lực, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, xây dựng lên một chính quyền cách mạng của nhân dân.

Cuối năm 1959, Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn sáp nhập với Đảng bộ tỉnh Gia Định thành Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định. Sau khi hợp nhất, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Hồng Đào làm Phó Bí thư đã họp hội nghị mở rộng để sắp xếp lại tổ chức và ra nghị quyết về nhiệm vụ công tác của Đảng bộ là “Ra sức khôi phục cơ sở, đào tạo cốt cán, phát triển lực lượng, cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với hoạt động vũ trang, diệt ác phá kềm, phát động khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, giải tán tề ngụy, xây dựng căn cứ với chính quyền tự quản của quần chúng do Đảng lãnh đạo”⁽¹⁾.

1 Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, Tập II (1954 - 1975) - Sơ thảo, tr 96.

Về tổ chức Khu ủy thành lập Ban cán sự các cánh: Cánh 154, Cánh 156, Cánh 157, Cánh 158 và Cánh 159. Địa bàn quận 3 (trong đó có phường 15) nằm trong sự chỉ đạo của Ban Cán sự Cánh 157 do đồng chí Nguyễn Văn Hiệp làm Bí thư⁽¹⁾.

Năm 1960, đồng chí Lê Thị Bạch là Ủy viên Ban Cán sự Cánh 157 (quận 3) được phân công về xây dựng cơ sở ở phường Chí Hòa.

Cuộc nổi dậy ở Bến Tre (17/1/1960) tạo ra một khí thế mới trên toàn chiến trường đặc biệt là hình thức ba mũi giáp công sử dụng thế hợp pháp rất sinh động. Từ đó phong trào Đồng Khởi đã nổ ra ở Nam Bộ.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và chuẩn bị cho cuộc Đồng Khởi.

Đứng trước tình hình cách mạng miền Nam, đòi hỏi phải có một tổ chức công khai, có chương trình hành động thống nhất để tập hợp rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận chống Mỹ - Diệm. Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch đã ra đời. Từ đây, nhân dân Sài Gòn - Gia Định nói chung và nhân dân quận 3 (trong đó có nhân dân vùng đất phường 15) nói riêng bước vào thời kỳ mới: Thời kỳ tiếp tục nhiệm vụ chiến lược cách mạng dân tộc, dân chủ dưới ngọn cờ công khai của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam do Đảng ta lãnh đạo.

1 Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân quận 3 (1930 - 1975), tr 118.

Ngày 2/1/1961, nhân dân Ngã Bảy, Vườn Lài, Chí Hòa, Hòa Hưng... đã cùng với nhân dân vùng ven thành phố nhất loạt đình công, bãi chợ, đóng các cửa tiệm... để chào mừng sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngày 19/3/1961, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng Khu Sài Gòn - Gia Định được thành lập do kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch.

II. NHÂN DÂN VÙNG ĐẤT PHƯỜNG 15 TRONG THỜI KỲ ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI CÁC CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CỦA MỸ - NGUY (1961 - 1973)

Bị thất bại trước phong trào Đồng khởi của nhân dân ta, đế quốc Mỹ đã áp dụng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với mục đích bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Trong chiến lược này, chúng tập trung thực hiện bình định cấp tốc với “áp chiến lược là quốc sách” để tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng. Từ năm 1961 đến cuối năm 1964, quân và dân miền Nam bằng ba mũi giáp công đã liên tục tiến công địch, làm cho Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ đã bị phá sản. Trong thời gian này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân vùng đất phường 15 đã cùng nhân dân thành phố xuống đường đấu tranh chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, phản đối nhà cầm quyền đàn áp Phật giáo, chống quân địch, ủng hộ và giúp đỡ phong trào học sinh, sinh viên.

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

Đề thực hiện cho chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, tháng 3 năm 1965, Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam.

Sau khi Mỹ đổ quân vào miền Nam, Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa III) họp đã chỉ rõ: “ba chỗ dựa chủ yếu của Mỹ là quân đội, chính quyền tay sai, hệ thống áp chiến lược và đô thị đã khủng hoảng mạnh” và Hội nghị lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương nhận định: “Mặc dù Mỹ đưa vào hàng chục vạn quân viễn chinh nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi”.

Từ đầu năm 1965, ở nội thành, chính quyền Sài Gòn đã tăng cường lực lượng cảnh sát để đối phó với hoạt động của ta. Đối với người dân thành phố chúng quản lý chặt chẽ bằng tờ khai gia đình và thẻ căn cước, năm gia đình thành một tổ chức gọi là “ngũ gia liên bảo” bố trí người của chúng làm liên gia trưởng, chúng tự do bắt bớ người mà chúng nghi ngờ, khám xét bất thường trên đường phố.

Trọng điểm đánh phá của địch ở quận 3 là khu lao động thuộc phường Yên Đỗ, Chí Hòa, Bàn Cờ, Trương Minh Giảng⁽¹⁾.

Mùa khô năm 1966 - 1967, Mỹ mở cuộc hành quân Junction City với 45 ngàn quân có sự chi viện tối đa của máy bay, xe tăng và hỏa lực nhằm “bắt sống những nhà lãnh đạo Việt Cộng, bắt Đài phát thanh Giải phóng cầm mồm, xé nát sư đoàn 9”⁽²⁾ nhưng “không thấy một nhà lãnh đạo Việt Cộng nào, Đài phát thanh Giải phóng vẫn nói đúng giờ, sư đoàn 9 và các lực lượng chiến tranh nhân dân tại chỗ vẫn

1 Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân quận 3 (1930 - 1975), tr 135.

2 Theo Pranois Can (Đài phát thanh Paris)

bám quân Mỹ mà đánh đến giờ phút chót”⁽¹⁾. Sau cuộc phản công này, Mỹ đứng trước tình thế bế tắc cả về chiến thuật, chiến lược. Sa lầy ở Việt Nam, kinh tế Mỹ suy thoái, nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh, giới cầm quyền Mỹ bắt đầu dao động, chia rẽ.

Tháng 12/1967, Bộ Chính trị họp và ra nghị quyết lịch sử: “Chuyển cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam của ta sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định” và xác định: “Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định”⁽²⁾.

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam đã họp và ra nghị quyết về tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa. Để thực hiện kế hoạch tổng công kích - tổng khởi nghĩa vào Sài Gòn, khu trọng điểm được thành lập gồm Sài Gòn - Gia Định và một phần đất của các tỉnh giáp Sài Gòn. Khu trọng điểm được chia thành các phân khu theo 5 cánh tiến công vào Sài Gòn. Mỗi phân khu có Phân khu ủy và Ban chỉ huy quân sự. Phân khu II gồm các quận 3, 5, 6, Bình Tân, Đức Hòa, Đức Huệ (Long An) do đồng chí Phan Văn Hân (Hai Sang) làm Bí thư. Về mặt Đảng, quận 3 nằm dưới sự chỉ đạo của Phân khu Bình Tân do đồng chí Phạm Văn Sơn (Tư Trường) làm Bí thư và đồng chí Phạm Thị Sứ (Năm Bắc) là Phân khu Ủy viên (Phân khu Bình Tân gồm một phần quận 3, quận 5 và một phần quận 6), dưới Phân khu là Ban Cán sự Đảng.

1 Theo Pranois Can (Đài phát thanh Paris)

2 Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Cuối năm 1967, Ban Cán sự Đảng quận 3 được thành lập để chuẩn bị cho tổng công kích - tổng khởi nghĩa, gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Hiệp (Tu Hiệp), Lê Quang Đồng (Tu Cẩm), Lê Thị Bạch, do đồng chí Nguyễn Văn Hiệp (Tu Hiệp) làm Bí thư⁽¹⁾. Thời gian này, tại vùng Chí Hòa, đồng chí Lê Thị Bạch đã xây dựng được hai chi bộ là chi bộ vũ trang tuyên với 6 đảng viên do đồng chí Lương Văn Thoại làm Bí thư và một chi bộ nữa do đồng chí Thái Văn Tráng làm Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự, nhiều cơ sở cách mạng ở phường Chí Hòa (trong đó có vùng đất phường 15) đã chuẩn bị chỗ ém quân, chứa vũ khí, chất nổ, lương thực, thực phẩm đón chiến sĩ ta vào thành⁽²⁾.

Giữa lúc địch đang dồn sức chống đỡ với quân ta ở mặt trận đường số 9 - Khe Sanh thì đêm 30 rạng ngày 31/1/1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân), quân và dân Sài Gòn - Gia Định cùng với quân và dân miền Nam đồng loạt nổ súng đánh thẳng vào các căn cứ quân sự của chúng, mở đầu cho cuộc Tổng công kích - tổng khởi nghĩa.

Theo kế hoạch lực lượng vũ trang của ta sẽ tiến quân như sau:

- *Phân khu 1*, Tiểu đoàn 1 Quyết Thắng, Tiểu đoàn 3 Gò Môn, Tiểu đoàn 4 Đặc công được tăng cường thêm Trung đoàn 16, từ hướng Hóc Môn - Gò Vấp, Tân Bình tiến đánh chiếm khu hậu cần Gò Vấp, sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng Tham mưu của địch.

1 Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân quận 3 (1930 - 1975), tr 136.

2 Sơ thảo Lịch sử truyền thống chống Mỹ của Đảng bộ và nhân dân quận 10 (1954-1975), tr 52.

- *Phân khu 2*, Tiểu đoàn 6 Bình Tân, Tiểu đoàn 247, Tiểu đoàn 264 của Quân khu 8 cùng Tiểu đoàn 12 Đặc công từ hướng tây nam Sài Gòn tiến vào các quận 6, 7, 11 Khâm Chí Hòa.

- *Phân khu 3*, Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 của Long An, Tiểu đoàn 5 của Nhà Bè và Tiểu đoàn Phú Lợi, từ hướng nam Sài Gòn tiến vào quận 4, 5 và 8 đánh chiếm Đình Độc Lập, Tổng Nha Cảnh sát.

- *Phân khu 4*, Tiểu đoàn Bà Rịa, Biên Hòa, Trung đoàn 4 của Sư đoàn 5 từ hướng đông Sài Gòn tiến vào đánh chiếm Bộ Tư lệnh Hải quân, Liên trường Thủ Đức.

- *Phân khu 5*, Tiểu đoàn Dĩ An, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức và Trung đoàn Đồng Nai từ hướng đông bắc Sài Gòn tiến vào Bình Hòa, Thạnh Mỹ Tây đánh chiếm Đại sứ quán Mỹ, Đài phát thanh.

Các sư đoàn chủ lực số 5, 7, 9 của Miền cùng các binh chủng trực thuộc đứng chân ở vòng ngoài, tiến công các căn cứ có lực lượng mạnh của địch, chặn chân không cho chúng kéo về ứng cứu Sài Gòn.

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy của quân dân Sài Gòn - Gia Định chia làm hai đợt. Đợt 1 từ 31/1 đến 28/2/1968 và đợt 2 từ 17/2 đến 25/2/1968.

Cùng với nhân dân thành phố, nhân dân quận 3 (trong đó có nhân dân vùng đất phường 15) đã tham gia tiếp tế, tải thương, dẫn đường cho lực lượng vũ trang truy tìm trừng trị bọn ác ôn. Cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam được treo lên ở nhiều nơi.

Về phía địch, “chúng đã huy động lực lượng bên ngoài về phản kích. Chúng dùng trực thăng đổ toàn bộ D38 (tiểu đoàn 38) biệt động quân ngụy về vùng quận 10. Chúng còn huy động lực lượng tiểu đoàn 10 công binh vận tải, lực lượng ở Biệt khu thủ đô, trại Đào Duy Từ, cảnh sát dã chiến và lực lượng tại chỗ để phản kích lại ta, và cũng chính máy bay Mỹ đã rải xăng thiêu hủy các khu vực Ấn Quang, Nguyễn Văn Thoại, Nguyễn Kim và vùng Vườn Lài... hàng ngàn nóc nhà của bà con ta ở các khu vực này đã thành đồng tro tàn, đồng bào phải sống trong cảnh “màn trời, chiếu đất”. Chúng thẳng tay bắt bớ, đánh đập tàn nhẫn những ai mà chúng nghi vấn”⁽¹⁾.

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1968 của quân và dân miền Nam tuy không giành được thắng lợi quyết định nhưng đã đánh bại một bước ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt ném bom phá hoại miền Bắc, ngồi vào bàn đàm phán với ta tại hội nghị Paris.

Tháng 7/1969, ở nội thành, chính quyền Sài Gòn lập thêm 2 quận mới là quận 10 và quận 11 trên cơ sở từ một số phường của quận 3, 5, 6. Địa phận quận 10 gồm các phường Chí Hòa (quận 3), Phan Thanh Giản (quận 3), Nguyễn Tri Phương (quận 5), Minh Mạng (quận 5). Địa phận phường 15 lúc này nằm trong địa phận phường Chí Hòa của quận 10.

Tại quận 10, “chúng đã lập nên 5 phường với 44 khóm và 6 khu (gồm các khu ở cư xá Bắc Hải và khu tạm cư Pétrus Ký). Đồng thời tiến hành đổi thẻ căn cước, lập tờ khai gia

1 Sơ thảo Lịch sử truyền thống chống Mỹ của Đảng bộ và nhân dân quận 10 (1954 - 1975), tr 59 và 60.

đình. Ở các khóm trong từng phường chúng xúc tiến việc lập các liên gia và các toán nhân dân tự vệ. Bộ máy chính quyền từ quận tới phường, khóm tổ chức theo lối quân sự hóa. Các chức vụ chính trong bộ máy chính quyền đều do quân đội, cảnh sát nắm giữ"⁽¹⁾.

Sau những thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam, đặc biệt là bị thất bại trong trận tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, đế quốc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán và ký Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước vào ngày 27/1/1973.

Ngày 29/3/1973, tại sân bay Tân Sơn Nhất, Tổng tư lệnh quân Mỹ ở Sài Gòn đã tổ chức lễ cuốn cờ, đánh dấu chấm dứt sự tham chiến của lính Mỹ trên chiến trường miền Nam.

III. NHÂN DÂN VÙNG PHƯỜNG 15 TỪ SAU HIỆP ĐỊNH PARIS ĐẾN CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH (1973 - 1975)

Hiệp định Paris buộc đế quốc Mỹ cam kết chấm dứt mọi dính líu về quân sự và không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Đối với nhân dân ta, sau 18 năm kháng chiến chống Mỹ đầy gian khổ, hy sinh, đây là một thắng lợi hết sức to lớn, mở ra một thời cơ vô cùng thuận lợi cho sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Tuy buộc phải ký Hiệp định Paris, nhưng đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ âm mưu giữ miền Nam Việt Nam, vì thế chúng vẫn duy trì viện trợ súng, đạn và tiền của cho chế độ ngụy quyền Sài Gòn. Được sự viện trợ của Mỹ, Nguyễn Văn

1 Sơ thảo Lịch sử truyền thống chống Mỹ của Đảng bộ và nhân dân quận 10 (1954 - 1975), tr 60. 61.

Thiệu hưng hăng tuyên bố “Không có hòa bình với Cộng sản” và thực hiện chính sách “tràn ngập lãnh thổ”, đẩy mạnh “binh định đặc biệt” để “xóa thế da beo”. Trong năm 1973, địch mở 325.255 vụ hành quân lấn chiếm, hành quân cảnh sát, chiếm lại hầu hết các vùng ta mới giải phóng và một số vùng giải phóng từ trước.

Tháng 7/1973, Trung ương Đảng ta họp Hội nghị lần thứ 21. Về tình hình miền Nam sau Hiệp định Paris, hội nghị nêu rõ “Ở miền Nam vẫn chưa có ngưng bắn, hòa bình chưa thực sự lập lại, nguy quyền Sài Gòn được Mỹ giúp đỡ vẫn tiếp tục gây chiến” và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là “đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao, tùy từng lúc, từng nơi mà kết hợp các mặt trận đó cho thích hợp, buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris về Việt Nam, không ngừng giữ vững lực lượng cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước và chủ động trong mọi tình huống đưa cách mạng miền Nam tiến lên”.

Kể từ khi có chủ trương của Hội nghị Bộ Chính trị (tháng 5/1973) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tình hình miền Nam chuyển biến nhanh chóng. Từ thế bị động đối phó, chiến tranh cách mạng miền Nam chuyển lên chủ động phản công và tiến công, đẩy lùi các cuộc hành quân lấn chiếm của Mỹ - ngụy. Từ chỗ mất đất, mất dân chuyển lên thu hồi và mở rộng vùng giải phóng, đẩy Mỹ - ngụy vào tình trạng ngày càng suy sụp.

Từ tháng 5/1974, quân ngụy đã rút bỏ các đồn bót nhỏ, co về đóng giữ các đồn bót lớn, từ đánh ô ạt chuyển sang lấn dài, từ càn quét chuyển sang lùng sục nhỏ, từ lấn chiếm chuyển sang ngăn chặn. Chiến lược “tràn ngập lãnh thổ” đến đây hoàn toàn tan vỡ.

Tháng 3 năm 1975, cục diện chiến trường miền Nam thay đổi nhanh chóng chưa từng thấy trong gần 21 năm đánh Mỹ. Chỉ trong một thời gian ngắn, đặc biệt chỉ không đầy một tuần sau đòn tiến công Buôn Mê Thuột, ta đã tiêu diệt về cơ bản Quân đoàn 2 ngụy, phá từng mảng chính quyền địch, giải phóng nhiều vùng đất đai quan trọng, đặc biệt là vùng chiến lược Tây Nguyên, phá vỡ thế phòng ngự chiến lược của địch ở Quân khu 2, buộc chúng phải từ phòng ngự chiến lược chuyển sang rút lui co cụm chiến lược. Phía tây bắc và bắc Sài Gòn ta đã giải phóng thêm Dầu Tiếng. Phía đông bắc ta chiếm Định Quán, giải phóng đường 20, đường 3, một đoạn quốc lộ 1, uy hiếp Xuân Lộc... Thời cơ chiến lược đã xuất hiện.

Ngày 18/3/1975, Bộ Chính trị họp hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch 2 năm giải phóng miền Nam trong năm 1975 và xác định phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu sắp tới sẽ là Sài Gòn.

Tiếp theo chiến dịch Tây Nguyên, quân ta tiến công như vũ bão trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng. Cục diện chiến trường tiếp tục thay đổi từng ngày, từng giờ, dẫn đến những ngày quyết định nhất của cuộc chiến tranh giải phóng.

Ngày 25/3/1975, Bộ Chính trị họp nhận định về giai đoạn phát triển nhảy vọt của cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam, từ đó xác định: “Thời cơ chiến lược đã tới”, cần “nắm vững thời cơ chiến lược mới, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không dự kiến kịp và không kịp trở tay, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam càng sớm, càng tốt”.

Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua quyết tâm và kế hoạch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, đồng thời chuẩn y đề nghị từ chiến trường, chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định mang tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Ngày 21/4/1975 Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức Tổng thống ngụy quyền. Trần Văn Hương lên thay Thiệu vào lúc tình hình quân sự ở miền Nam là tuyệt vọng, và quân Mỹ bắt đầu di tản theo qui mô lớn.

Ngày 26/4/1975, Sài Gòn nằm trong vòng vây thép của quân ta. Phía bắc có Quân đoàn 1, phía tây bắc có Quân đoàn 3, phía đông và đông nam có Quân đoàn 2 và Quân đoàn 4, phía tây nam có đoàn 232.

17 giờ ngày 26/4/1975, cuộc Tổng tiến công của đại quân ta vào tuyến phòng thủ ngoại vi Sài Gòn - Gia Định bắt đầu.

Ngày 28/4/1975, biên đội Không quân nhân dân Việt Nam dùng máy bay A-37 và cùng Đại úy phi công Nguyễn Thành Trung dẫn đường xuất kích từ sân bay Phan Rang, đã ném bom, phá hỏng 24 máy bay ở sân bay Tân Sơn Nhất.

15 giờ ngày 28/4/1975, Dương Văn Minh nhận chức Tổng thống thay Trần Văn Hương.

5 giờ ngày 29/4/1975, tên lửa của quân ta bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, các quân đoàn chủ lực của ta ào ạt tiến vào nội đô.

Đêm 29 rạng 30/4/1975, máy bay lên thẳng của Mỹ hạ xuống một số mái nhà cao tầng trong thành phố chở người Mỹ, sĩ quan, nhân viên của quân đội và chính quyền Sài Gòn

di tản. Tại khu cư xá Bắc Hải, máy bay Mỹ nhiều lần lên xuống rước bọn tướng ngục và người thân, bọn không được đón tức tôi dùng súng bắn theo cả máy bay.

11 giờ ngày 30/4/1975, lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được kéo lên trên cột cờ ở Dinh Độc Lập, chính thức kết thúc chế độ Mỹ và tay sai ở miền Nam Việt Nam và đánh dấu giờ phút lịch sử vinh quang của nhân dân ta, của Đảng ta hoàn thành sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Tại cư xá Bắc Hải, chị Nguyễn Thị Minh Khai cơ sở cách mạng đã hướng dẫn chủ lực ta chiếm cư xá Chí Hòa.

24 giờ đêm ngày 30/4/1975, Tiểu đoàn 1 của Trung đoàn Gia Định đã đến tiếp quản toàn bộ cư xá Bắc Hải.

Cuộc Tổng tiến quân và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Đánh giá về sự kiện lịch sử này Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12/1976) đã khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính chất thời đại sâu sắc”. Trong chiến thắng này có sự đóng góp của nhân dân vùng đất phượng 15.